TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 04 - 5 -2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức;

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Duy Phương;

2. Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 05/2020/HNGĐ-PT ngày 13/01/2020, về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 208/2019/HNGĐ-ST ngày 25/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2020/QĐ-PT ngày 13/3/2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ-PT ngày 09/4/2020, giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Anh T, sinh năm 1988, (có mặt);

Địa chỉ: đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. ***Bị đơn:*** Ông Đàm Thành C; sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Bà và ông Đàm Thành C kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2005. Quá trình C sống có 02 còn C là cháu Đàm Hoài B, sinh năm 2006 và chúa Đàm Tuấn K, sinh năm 2008. Thời gian gầy đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên bà N đề nghị được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà N đề nghị nuôi cả 02 cháu và yêu cầu ông C cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có 01 căn nhà cấp 4, diện tích 87,5m^2 tọa lạc trên diện tích 87,9m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP121828 năm 2013, thửa 147, tờ bản đồ số 38, địa chỉ đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà N đề nghị chia đôi giá trị tài sản này.

Ngoài ra đơn khởi kiện, bà N còn yêu cầu chia tài sản chung là một thửa đất có diện tích 165m^2 (chưa xác định được số tờ, số thửa) tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, bà N đã rút yêu cầu này.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ ai.

Bị đơn: Ông Đàm Thành C trình bày:

Ông C đồng ý yêu cầu xin được ly hôn của bà N. Nhưng ông có nguyện vọng được nuôi 02 cháu và bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C cho rằng căn nhà tại 323 Phạm Văn Đồng là tài sản mà cha mẹ ông cho ông trước khi kết hôn, sau đó vợ chồng bỏ ra tiền xây nhà nên ông C chỉ đồng ý cho chị N từ 300 triệu đến 400 triệu đồng.

Về nợ chung: Tại bản tự khai ngày 16/4/2019, ông C khai xác định vợ chồng ông còn nợ 400.000.000 đồng nên đề nghị chia số nợ chung trên.

Tổng giá trị thị trường đối với Quyền sử dụng đất số BP121828 năm 2013, thửa 147, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và các tài sản trên đất của ông Đàm Thành C và bà Đỗ Thị N có giá trị: **1.840.110.500đ** (Một tỷ tám trăm bốn mươi triệu một trăm mười ngàn năm trăm đồng). Trong đó: Trị giá tài sản trên đất: 213.215.000đ, trị giá quyền sử dụng đất theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16/10/2019 là 1.626.895.000 đồng (Tại thời điểm định giá lần đầu - ngày 30/7/2019 của Hội đồng định giá theo quyết định của Tòa án là 1.600.000.000 đồng).

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 208/2019/HNGĐ-ST ngày 25/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung".

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị N và ông Đàm Thành C.

Về con chung: Giao cháu Đàm Hoài B, sinh ngày 11/4/2006 cho bà Đỗ Thị N và giao cháu Đàm Tuấn K, sinh ngày 20/11/2008 cho ông Đàm Thành C nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không đặt ra.

Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu chia thửa đất có diện tích 165m^2 tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- Xác định tài sản chung của vợ chồng là căn nhà xây cấp 4, diện tích

87,5m^2 tọa lạc trên diện tích 87,9m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP121828 năm 2013, thửa 147, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đứng tên ông Đàm Văn Đ và bà Lê Thị T, tặng cho ông Đàm Thành C ngày 25/10/2013). Có giá trị: 1.840.110.500đ. Ông Đàm Thành C được chia: 1.082.744.500đ, bà N được chia: 757.365.000đ.

- Giao cho ông Đàm Thành C được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung.

- Ông Đàm Thành C có nghĩa vụ giao cho bà N giá trị tài sản chung chênh lệch với số tiền: 757.365.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí thẩm định, định giá và định giá lại; quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2019, bị đơn ông Đàm Thành C kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung và nợ chung; ngày 10/12/2019 nguyên đơn bà Đỗ Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm về chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. *Về nội dung vụ án:* Bản án giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân và chia tài sản chung là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý và giải quyết yêu cầu của bị đơn ông Đàm Thành C về việc chia số nợ chung mặc dù ông có yêu cầu và có cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là ảnh hưởng tới quyền lợi của bị đơn. Ngoài ra, bản án sơ thẩm không đưa Ngân hàng T Việt Nam và những người ông C vay tiền tham gia tố tụng để xác minh, thu thập chứng cứ là giải quyết không đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đàm Thành C và một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị N. Giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung và cấp dưỡng. Hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung và nợ chung, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị N và bị đơn ông Đàm Thành C, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung và việc cấp dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, ông C có cung cấp cho Tòa án: 01 Hợp đồng tín dụng số 17.29.025/2017-HĐTDHM/NHCT502 ngày 09/3/2017 và các tài liệu liên quan thể hiện ông C và bà N có vay ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Đắk Lắk - phòng giao dịch Đ số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và 03 hợp đồng cho vay tiền ngày 01/2/2019, 15/2/2019, 25/2/2019. Tại Bản tự khai của ông Đàm Thành C ngày 16/4/201 và tại cấp phúc thẩm, ông C cho rằng vợ chồng ông còn nợ 400.000.000 đồng là số tiền ông phải đi vay của ông Tuấn để trả nợ ngân hàng do bà N đòi ly thân và không có trách nhiệm cùng ông trả nợ chung cho Ngân hàng. Tuy nhiên, yêu cầu này của ông C không được cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia tài sản chung mà không thụ lý giải quyết và tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh, đối chất làm rõ về số tiền nợ mà ông C yêu cầu chia là giải quyết không triệt để vụ án, làm ảnh hưởng tới quyền, nghĩa vụ của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị N và bị đơn ông Đàm Thành C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về con chung và về cấp dưỡng; Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung, giao hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng:

- Án phí đối với phần chia tài sản chung và chi phí thẩm định, định giá, định giá lại sẽ được quyết định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Đỗ Thị N và ông Đàm Thành C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị N;

Chấp nhận một phần kháng cáo bị đơn ông Đàm Thành C;

Giữ nguyên Bản Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 208/2019/HNGĐ-ST ngày 25/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần quan hệ hôn nhân, về con chung và về cấp dưỡng nuôi con;

Hủy một phần Bản Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 208/2010/HNGĐ-ST ngày 25/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma

Thuột, tỉnh Đắk Lắk về chia tài sản chung. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị N và ông Đàm Thành C.

[2] *Về con chung:* Giao cháu Đàm Hoải B, sinh ngày 11/4/2006 cho bà Đỗ Thị N và giao cháu Đàm Tuấn K, sinh ngày 20/11/2008 cho ông Đàm Thành C nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Các bên không đặt ra.

[4] *Về tài sản chung:* Hủy phần chia tài sản chung của bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[5] *Về án phí và chi phí tố tụng:*

Án phí về phần chia tài sản chung; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá sẽ được quyết định lại khi giải quyết lại vụ án.

- *Án phí phúc thẩm:* Nguyên đơn bà Đỗ Thị N và bị đơn ông Đàm Thành C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đàm Thành C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005532 ngày 20/12/2019; hoàn trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005517 ngày 19/12/2019, cả hai biên lai tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức